

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ
KHOA KẾ TOÁN - KẾ M TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ
GIA TĂNG VÀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP
TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
NHẬT THANH**

SINH VIÊN: NGUYỄN THỊ THÙY LINH

Khóa học: 2016 - 2020

ĐẠI HỌC HU
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH T
KHOA K TOÁN-KI M TOÁN



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

TH C TR NG CÔNG TÁC K TOÁN THU GIÁ TR
GIA TĂNG VÀ THU THU NH P DOANH NGHIỆP
T I CÔNG TY TNHH TH NG M I DỊCH V
NH T THANH

Tên tác giả: Nguyễn Thị Thùy Linh

L p: K50C K Toán

Niên khóa: 2016 – 2020

Gi ng viên h ng d n

Th.S Đào Nguyên Phi

Hu, tháng 10 năm 2019

LỜI CẢM ƠN

Đã hoàn thành bài thực khóa luận tốt nghiệp cuối khóa này, trước tiên là sự công ơn của bố mẹ thân. Bên cạnh đó, tôi nhận được sự giúp đỡ từ các quý Thầy, Cô giáo, anh, chị em đồng nghiệp cùng gia đình và bạn bè.

Lời đầu tiên, tôi xin chân thành cảm ơn và tri ân sâu sắc đến Ban giám hiệu Trường Đại học Kinh tế – Đại học Huế cũng như quý Thầy, Cô trong Khoa Kế toán – Kiểm toán đã tận tình truyền đạt những kiến thức và kinh nghiệm quý báu cho tôi trong suốt quá trình học tập vừa qua. Đặc biệt, tôi xin chân thành cảm ơn Giảng viên Th.S Đào Nguyên Phi – người thầy kính mến đã hết lòng giúp đỡ, hướng dẫn tận tâm từ lúc định hướng chọn đề tài đến quá trình hoàn thiện đề tài. Thầy luôn tạo mọi điều kiện thuận lợi, sẵn sàng giải đáp các thắc mắc cho tôi để thực hiện đề tài này.

Đồng thời, tôi xin chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Nhật Thanh, các anh, chị phòng Kế toán – Tài chính đã nhiệt tình giúp đỡ và tạo điều kiện cho tôi được tiếp cận, tìm hiểu thông tin, số liệu về Công ty trong suốt quá trình thực tập tại đơn vị.

Một lần nữa, tôi xin trân trọng cảm ơn và kính chúc quý Thầy, Cô, quý anh, chị trong đơn vị thực tập dồi dào sức khỏe, tràn đầy hạnh phúc và thành công trong cuộc sống!

Huế, tháng 10 năm 2019.

Sinh viên thực hiện

Nguyễn Thị Thùy Linh

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
BCTC	Báo cáo tài chính
GTGT	Giá trị gia tăng
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
NSNN	Ngân sách nhà nước
TNCN	Thu nhập cá nhân
SXKD	Sản xuất kinh doanh
HHDV	Hàng hóa dịch vụ
GTKT	Gia tăng khấu trừ
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
TSCĐ	Tài sản cố định
BTC	Bộ tài chính
QH	Quốc hội
HTKK	Hệ thống kê khai
TK	Tài khoản
KTVN	Kế toán Việt Nam
CSKD	Cơ sở kinh doanh
TTĐB	Tiêu thụ độc biệt
BVMT	Bảo vệ môi trường

DANH MỤC BẢNG

Bảng 2.1: Tình hình lao động của Công ty TNHH TM DV Nhứt Thanh qua 3 năm 2016 – 2018	37
Bảng 2.2: Tình hình tài sản, nguồn vốn tại Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nhứt Thanh qua 3 năm 2016 – 2018	40
Bảng 2.3: Tình hình kết quả kinh doanh của Công ty TNHH TM DV Nhứt Thanh qua 3 năm 2016 – 2018	44

DANH MỤC BIỂU

Biểu 2.1: Phiếu chi số PC02	47
Biểu 2.2: Hóa đơn GTGT số 1224	48
Biểu 2.3: Trích nhập liệu theo hóa đơn 1224	50
Biểu 2.4: Hóa đơn GTGT số 319	51
Biểu 2.5: Phiếu nhập kho số 319	52
Biểu 2.6: Ủy nhiệm chi	52
Biểu 2.7: Trích nhập liệu theo hóa đơn 319	54
Biểu 2.8: Hóa đơn GTGT số 1128	55
Biểu 2.9: Trích nhập liệu theo hóa đơn 1128	56
Biểu 2.10: Hóa đơn GTGT số 2324	57
Biểu 2.11: Trích nhập liệu theo hóa đơn số 2324	58
Biểu 2.12: Trích sổ chi tiết tài khoản 1331	59
Biểu 2.13: Trích sổ cái tài khoản 133	60
Biểu 2.14: Hóa đơn GTGT số 2662	63
Biểu 2.15: Trích hạch toán hóa đơn số 2662	64
Biểu 2.16: Hóa đơn GTGT số 2669	65
Biểu 2.17: Hóa đơn GTGT số 2679	67
Biểu 2.18: Trích sổ chi tiết tài khoản 33311	69
Biểu 2.19: Trích sổ cái tài khoản 333	70
Biểu 2.20: Tờ khai thu GTGT mẫu số 01/GTGT	74
Biểu 2.21: Giấy nộp tiền thu GTGT theo mẫu C1 – 02/NS	81
Biểu 2.22: Báo cáo tình hình sản xuất hóa đơn quý 4/2018	84
Biểu 2.23: Sổ chi tiết tài khoản 3334	89
Biểu 2.24: Sổ cái tài khoản 821	90
Biểu 2.25: Tờ khai quyết toán thuế TNDN (Mẫu số 03/TNDN)	97
Biểu 2.26: Phế liệu kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	100

Biểu 2.27: Ghi y n p t i n thu TNDN vào ngân sách nhà n c.	101
---	-----

DANH M C S Đ

Sđ 1.1: Quy trình h ch toán thu GTGT đ u vào.....	20
Sđ 1.2: Quy trình h ch toán thu GTGT đ u ra	21
Sđ 1.3: Quy trình h ch toán thu TNDN hi n hành	29
Sđ 2.1: Sđ b máy qu n lý c a Công ty TNHH TM DV Nh t Thanh	33
Sđ 2.2: Sđ t ch c b máy k toán c a công ty TNHH TM DV Nh t Thanh	34
Sđ 2.3: Sđ mô t quy trình ghi s c a công ty TNHH TM DV Nh t Thanh.....	36

DANH M C BI U Đ

Biểu đ 2.1: Bi n đ ng tài s n c a Công ty TNHH TMDV Nh t Thanh qua 3 năm 2016 – 2018	39
Biểu đ 2.2: Bi n đ ng ngu n v n c a Công ty TNHH TMDV Nh t Thanh qua 3 năm 2016 – 2018	42

M C L C

L I C M N	i
DANH M C CH VI T T T	ii
DANH M C B NG	iii
DANH M C BI U	iii
DANH M C S Đ	iv
DANH M C BI U Đ	iv
M C L C	v
PH N I – Đ T V N Đ	1
1. Lí do ch n đ tài	1
2. M c tiêu nghiên c u	2
3. Đ i t ng và ph m vi nghiên c u	2
4. Ph ng pháp nghiên c u	3
5. D ki n k t qu đ t đ c	4
6. K t c u đ tài	4
PH N II – N I DUNG VÀ K T QU NGHIÊN C U	5
CH NG 1: C S LÝ LU N V THU , K TOÁN THU GIÁ TR GIA TĂNG VÀ THU THU NH P DOANH NGHIỆP	5
1.1. Nh ng v n đ c b n v thu 	5
1.1.1. Khái ni m thu 	5
1.1.2. Đ c đi m c a thu 	5
1.1.3. Vai trò c a thu 	6
1.1.4. Phân lo i c a thu 	6
1.1.5. H th ng văn b n pháp lu t v thu 	7
1.2. K toán thu GTGT	8
1.2.1. Khái ni m thu GTGT	8
1.2.2. Đ c đi m c a thu GTGT	9
1.1.3. Vai trò c a thu GTGT	9
1.2.4. Ph m vi áp d ng thu GTGT	10
1.2.5. Căn c và ph ng pháp tính thu GTGT	11
1.2.5.1. Căn c tính thu GTGT	11

1.2.5.2. Phương pháp tính thuế	15
1.2.6. Khai, nộp thuế và hoàn thuế GTGT	16
1.2.6.1. Khai thuế GTGT	16
1.2.6.2. Nộp thuế GTGT	17
1.2.6.3. Hoàn thuế GTGT	17
1.2.7. Nội dung kế toán thuế GTGT	19
1.2.7.1. Kế toán thuế GTGT đầu vào	19
1.2.7.2. Kế toán thuế GTGT đầu ra	20
1.3. Kế toán thuế TNDN	22
1.3.1. Khái niệm thuế TNDN	22
1.3.2. Đối tượng chịu thuế TNDN	22
1.3.3. Vai trò của thuế TNDN	22
1.3.4. Phạm vi áp dụng thuế TNDN	23
1.3.5. Căn cứ và phương pháp tính thuế TNDN	23
1.3.5.1. Căn cứ tính thuế TNDN	23
1.3.5.2. Phương pháp tính thuế TNDN	25
1.3.6. Đăng ký, khai, nộp thuế và quy tắc toán thuế TNDN	27
1.3.6.1. Đăng ký nộp thuế TNDN	27
1.3.6.2. Khai thuế TNDN	27
1.3.6.3. Nộp thuế TNDN	27
1.3.6.4. Quy tắc toán thuế TNDN	28
1.3.7. Nội dung kế toán thuế TNDN	29
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ NHẬT THANH	30
2.1. Tổng quan về Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Nhật Thanh	30
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển	30
2.1.1.1. Giai đoạn đầu sự ra đời của công ty	30
2.1.1.2. Lịch sử hình thành và phát triển	30
2.1.2. Chức năng, nhiệm vụ của công ty	31
2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý	33
2.1.4. Tổ chức công tác kế toán	34

2.1.5. Tình hình ngu�n l�c c�a c�ng ty trong giai đo�n 2016 – 2018.....	36
2.1.5.1. Tình hình lao đ�ng c�a c�ng ty qua 3 năm 2016 - 2018.....	36
2.1.5.2. Tình hình tài s�n, ngu�n v�n c�a c�ng ty qua 3 năm 2016 - 2018	39
2.1.5.3. Tình hình k�t qu� kinh doanh c�a c�ng ty qua 3 năm 2016 - 2018	43
2.2. Th�c tr�ng c�ng tác k� to�n thu� GTGT t�i c�ng ty TNHH Th� �ng m�i D�ch V� Nh�t Thanh	45
2.2.1. Đ�c đ�m t� ch�c.....	45
2.2.2. Ch�ng t� s� d�ng	45
2.2.3. Tài kho�n s� d�ng	46
2.2.4. S� sách s� d�ng	46
2.2.5. H�ch to�n thu� GTGT	46
2.2.6. K� khai, kh�u tr� và n�p thu� GTGT	72
2.3. Th�c tr�ng c�ng tác k� to�n thu� TNDN t�i c�ng ty TNHH Th� �ng m�i D�ch V� Nh�t Thanh	84
2.3.1. Đ�c đ�m t� ch�c.....	84
2.3.2. Ch�ng t� s� d�ng	85
2.3.3. Tài kho�n s� d�ng	85
2.3.4. S� sách s� d�ng	85
2.3.5. Thu� TNDN t�m t�nh.....	85
2.3.6. Quy�t to�n thu� TNDN, k� khai và n�p thu� TNDN	87
CH� � NG 3: M�T S� GI�I PH�P NH�M HO�N THI�N C�NG T�C K� TO�N THU� GTGT V� THU� TNDN T�I C�NG TY TNHH TH� �NG M�I D�CH V� NH�T THANH.....	102
3.1. Nh�n xét và đ�nh gi� c�ng tác k� to�n thu� GTGT và thu� TNDN	102
3.1.1. Đ�nh gi� v� c�ng tác k� to�n thu� GTGT	103
3.1.2. Đ�nh gi� v� c�ng tác k� to�n thu� TNDN.....	105
3.2. M�t s� gi�i ph�p nh�m ho�n thi�n c�ng tác k� to�n thu� t�i C�ng ty TNHH Th� �ng m�i D�ch v� Nh�t Thanh.....	106
3.2.1. Đ�i v�i c�ng tác k� to�n thu� GTGT	107
3.2.2. Đ�i v�i c�ng tác k� to�n thu� TNDN.....	108
PH�N III – K�T LU�N V� KI�N NGH�.....	109
1. K�t lu�n.....	109
2. Ki�n ngh�	109

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	111
PHỤ LỤC	112

Tài Liệu Việt Nam
Trang 1/1
ng Đình C Kinh t Hu

PHẦN I – ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Lí do chọn đề tài

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, nền kinh tế Việt Nam hội nhập ngày càng sâu rộng với nền kinh tế thế giới là điều kiện tích cực mở rộng thị trường, thúc đẩy xuất khẩu, thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Trong bối cảnh đó, để phù hợp với cam kết hội nhập đã ký yêu cầu đầu tiên đặt ra cho Nhà nước ta là phải có những chính sách cải cách, đổi mới và thu. Bởi lẽ, thuế là công cụ tài chính vĩ mô quan trọng và ảnh hưởng đáng kể đến các mối quan hệ cân đối liên của nền kinh tế thị trường, có tác động đến tăng trưởng kinh tế bền vững của đất nước.

Doanh nghiệp là thành phần không thể thiếu của nền kinh tế hội nhập, để nắm bắt cơ hội cũng như tạo động lực cho mình và thị trường, chính sách thuế luôn là vấn đề mà doanh nghiệp quan tâm. Năm 2018, Cục thuế tỉnh Thừa Thiên Huế đã rà soát, đơn giản thuế kịp thời các nguồn thu; để xuất khẩu, chính sách, cải cách hành chính nhằm khuyến khích, thu hút đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Tổng thu NSNN của tỉnh đạt 7.236 tỷ đồng (vượt 5,9% dự toán của địa phương) cho thấy năm 2018 liên tục đầu tiên thu ngân sách của tỉnh Thừa Thiên Huế đã vượt mức trên 7.000 tỷ đồng. Những thay đổi tích cực về thuế này sẽ hỗ trợ cho doanh nghiệp rất nhiều trong hoạt động kinh doanh cũng như công tác kế toán tài doanh nghiệp.

Trong suốt thời kỳ đổi mới nền kinh tế, Việt Nam thường xuyên điều chỉnh cơ chế quản lý kinh tế sao cho phù hợp với nền kinh tế thị trường. Đổi mới thuế là một trong những tình hình đổi mới đó. Các văn bản, thông tư hướng dẫn về thuế vẫn còn những hạn chế nhất định. Vì vậy, công tác kế toán thuế GTGT, thuế TNDN tại các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ còn gặp nhiều vướng mắc. Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Nhật Thanh là công ty thuộc nhóm doanh nghiệp vừa và nhỏ nên cũng sẽ không tránh khỏi những vướng mắc nhất định trong công tác kế toán thuế cần phải khắc phục. Nhất là vào tháng 7 vừa qua, công ty trải qua đợt kiểm tra thuế và có những sai phạm nhất định trong công tác kế toán thuế.

Nhân thấy được tầm quan trọng của kế toán thuế, quá trình thực tập cũng chưa có ai nghiên cứu công tác thuế tại công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Nhất Thanh. Cùng với việc được tiếp xúc với thực tế, tìm hiểu đi sâu vào công tác kế toán thuế mà chủ yếu là thuế GTGT và thuế TNDN, với những kiến thức bản thân đã tích lũy được, em đã quyết định chọn đề tài: **“Thực trạng công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Nhất Thanh”** cho khóa luận tốt nghiệp của mình.

2. Mục tiêu nghiên cứu

❖ Mục tiêu chung:

Tìm hiểu, nghiên cứu thực trạng công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Nhất Thanh, từ đó đưa ra những, một số giải pháp hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN trong thời gian tới tại công ty.

❖ Mục tiêu cụ thể:

- Thứ nhất, hệ thống hóa cơ sở lý luận các vấn đề về thuế, kế toán thuế GTGT và kế toán thuế TNDN tại công ty.

- Thứ hai, tìm hiểu thực trạng công tác kế toán thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Nhất Thanh.

- Thứ ba, so sánh lý thuyết với thực tế để đưa ra những điểm, những điểm về thực trạng công tác kế toán thuế GTGT, TNDN tại công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Nhất Thanh.

- Thứ tư, kỳ vọng để xuất một số giải pháp nhằm giúp cải thiện những điểm cho công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Nhất Thanh.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

❖ Đối tượng nghiên cứu

Đề tài tập trung tìm hiểu lý thuyết và thực tiễn công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Nhất Thanh bao gồm các sổ sách

chứng từ kế toán, tài khoản sổ đăng, phương pháp hạch toán, kê khai thuế và quy trình toán thuế.

❖ **Phạm vi nghiên cứu**

- Phạm vi về không gian: Đối tượng nghiên cứu được thực hiện tại công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Nhất Thanh.

- Phạm vi về thời gian: Đối tượng nghiên cứu sẽ đăng số liệu về nhân sự, BCTC trong 3 năm là năm 2016, năm 2017 và năm 2018 của Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Nhất Thanh. Số liệu cho công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tháng 12 năm 2018.

- Phạm vi nội dung nghiên cứu: Công tác kế toán thuế GTGT và kế toán thuế TNDN tại Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Nhất Thanh.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp nghiên cứu, thu thập tài liệu: Tôi dựa trên các nguồn tài liệu ở thực tiễn trong, tạp chí, sách giáo trình... để tìm hiểu về các Luật thuế, Thông tư 133/2016/TT-BTC và chế độ kế toán áp dụng, các thông tin mới hàng ngày, văn bản liên quan để làm cơ sở lý luận về thuế GTGT và thuế TNDN phục vụ cho đối tượng nghiên cứu. Tôi thực hiện thu thập số liệu thực tế để phân tích và tình hình nhân sự, tài sản, nguồn vốn, tình hình hoạt động kinh doanh để phục vụ cho việc tìm hiểu, đánh giá thực trạng công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại công ty.

- Phương pháp quan sát: Qua quá trình được thực tế tiếp, bản thân tôi được tiếp xúc với thực tế tại bộ phận kế toán tại công ty để quan sát quá trình làm việc và trực tiếp tham gia hỗ trợ các anh chị tại bộ phận kế toán. Phương pháp này được sử dụng để biết được các anh, chị phòng kế toán làm việc như thế nào, số sắp xếp, nhập liệu, luân chuyển chứng từ diễn ra như thế nào, khi có sai sót thì kế toán tiến hành xử lý như thế nào.

- Phương pháp hỏi, phỏng vấn: Khi được tiếp xúc, quan sát xong có những điều bản thân vẫn không hiểu, có nhiều thắc mắc. Tôi sẽ dùng phương pháp này để hiểu rõ hơn về công ty, hiểu rõ hơn về công tác kế toán thuế GTGT, thuế TNDN cũng như làm

rõ những thực tế trong quá trình thu thập thông qua việc hỏi, phỏng vấn, trao đổi trực tiếp với các kế toán thuế tại công ty.

- Phương pháp mô tả: Tôi tiến hành thu thập các chứng từ kế toán để chứng minh các nghiệp vụ kinh tế đã thực tế xảy ra tại công ty; rồi tiến hành ghi nhận, hạch toán nghiệp vụ kinh tế phát sinh, mô tả, diễn giải chi tiết chứng từ với sổ sách kế toán, phân tích, xử lý số liệu số đang trong phần thực trạng kế toán thuế GTGT và thuế TNDN.

- Phương pháp xử lý, phân tích, so sánh: Tôi tiến hành so sánh bảng số thuế đầu vào và so sánh bảng số thuế đầu ra, phân tích số liệu tình hình nhân sự, tài sản, nguồn vốn, tình hình hoạt động kinh doanh tại công ty qua 3 năm 2016, 2017, 2018 bằng việc sử dụng Excel để thực hiện tính toán. Diễn giải lý thuyết với thực tế để đưa ra nhận xét, đánh giá về công tác kế toán thuế GTGT, thuế TNDN tại công ty.

5. Dữ kiện kết quả đầu đầu

Dữ kiện sau khi thực hiện đề tài nghiên cứu: “Thực trạng công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Nhật Thanh”, đi tìm hiểu trong công tác kế toán thuế và những biện pháp để xuất số phần nào để công ty nhìn nhận, xem xét. Công ty có thể thực hiện công tác kế toán thuế GTGT hay thuế TNDN chuẩn xác, chính xác, xác định đúng số thuế để hoàn hay để miễn giảm nhằm để báo cáo quy định cho doanh nghiệp, giảm bớt sai sót trong việc tính thuế GTGT, thuế TNDN để báo cáo thực hiện nghĩa vụ của công ty với Nhà nước.

6. Kết cấu đề tài

Nội dung đề tài nghiên cứu gồm 3 phần:

Phần I - Đặt vấn đề

Phần II - Nội dung và kết quả nghiên cứu

Chương 1: Cơ sở lý luận về thuế, kế toán thuế GTGT và thuế TNDN

Chương 2: Thực trạng kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Nhật Thanh

Chương 3: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán thuế GTGT và thuế TNDN tại Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Nhật Thanh

Phần III - Kết luận và kiến nghị

PHẦN II – NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ THU, KẾ TOÁN THU GIÁ TRỊ GIA TĂNG VÀ THU THU NHẬP DOANH NGHIỆP

1.1. Những vấn đề cơ bản về thu

1.1.1. Khái niệm thu

Thu ra đời và tồn tại cùng với nhà nước, từ đó đến nay, thu đã trải qua một quá trình phát triển lâu dài và khái niệm thu cũng không ngừng biến đổi hoàn thiện.

Trên góc độ pháp lý về thu thì thu được định nghĩa như sau: *Thu là khoản đóng góp bắt buộc mà mọi tổ chức, cá nhân phải có nghĩa vụ đóng góp cho nhà nước theo luật định để đáp ứng nhu cầu chi tiêu cho việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của nhà nước.*

Trên góc độ kinh tế học: *Thu là biện pháp để biết, theo đó, nhà nước sẽ dùng quyền lực của mình để chuyển một phần nguồn lực từ khu vực tư sang khu vực công nhằm thực hiện các chức năng kinh tế - xã hội của nhà nước.*

Tuy nhiên, trong quá trình phát triển, từng góc độ khác nhau sẽ có những khái niệm về thu khác nhau. Tuy nhiên, chúng ta có thể hiểu: *“Thu là một khoản nộp của các tổ chức và cá nhân cho Nhà nước theo luật định nhằm chu cấp cho các chi phí của Chính phủ, thu ngân sách và sử dụng để phát triển của Nhà nước.”*

1.1.2. Đặc điểm của thu

Thứ nhất, trong xã hội hiện đại thu là khoản đóng góp bắt buộc. Thu là một khoản đóng góp dưới hình thức tiền tệ, điều này trái ngược với các hình thức thanh toán bằng hiện vật đã tồn tại từ xưa đến nay.

Thứ hai, thu là khoản đóng góp bắt buộc được thực hiện thông qua con đường quyền lực chính trị. Đó là định nghĩa thu cho ngân sách Nhà nước, thu được quy định bằng các văn bản pháp quy để tăng tính bắt buộc (cưỡng chế).

Thứ ba, thu không hoàn trả một cách trực tiếp (không đổi giá). Trước khi nộp thu, nhà nước không hề cung cấp một dịch vụ trực tiếp nào và sau khi nộp thu cũng không hoàn trả trực tiếp cho người nộp thu.

1.1.3. Vai trò của thuế

- Công cụ huy động nguồn tài chính đáp ứng nhu cầu chi tiêu của Nhà nước: Đây là vai trò mang tính lịch sử, gắn với sự ra đời của thuế và ngày càng được khẳng định.

- Công cụ điều tiết vĩ mô nền kinh tế - xã hội: Thuế không đơn thuần là công cụ tài chính nhằm huy động khoản thu chủ yếu cho Nhà nước mà khi tham gia vào quá trình tái phân phối tổng sản phẩm quốc dân, Nhà nước đã trực tiếp gây ảnh hưởng đến nền kinh tế - xã hội.

- Công cụ điều tiết thu nhập, thúc đẩy công bằng xã hội: Chính sách thuế giữ vai trò quan trọng trong việc điều tiết công bằng thu nhập giữa các tầng lớp dân cư.

1.1.4. Phân loại của thuế

❖ Phân loại theo cơ sở thuế

- Thuế thu nhập là loại thuế đánh vào phần thu nhập kiếm được của các tổ chức và cá nhân như thuế TNDN và thuế TNCN.

- Thuế tiêu dùng là loại thuế đánh vào phần thu nhập đem tiêu dùng để hiển thị của người nộp thuế như thuế TTĐB, thuế GTGT, thuế Xuất khẩu, thuế Nhập khẩu...

- Thuế tài sản là loại thuế đánh vào phần thu nhập tích trữ dưới dạng tài sản như thuế sở hữu đất phi nông nghiệp, thuế sở hữu đất nông nghiệp, thuế bất động sản, thuế tài nguyên...

❖ Phân loại theo phương thức huy động của thuế

- Thuế trực thu được viên trực tiếp thu vào thu nhập hoặc tài sản nào đó của người nộp thuế. Thuế trực thu trực tiếp điều tiết vào thu nhập hoặc tài sản của người nộp thuế, ví dụ như thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân.

- Thuế gián thu là loại thuế đánh vào hàng hóa, dịch vụ. Thuế gián thu như một khoản giá trị cộng thêm vào giá bán của hàng hóa, dịch vụ mà người tiêu dùng phải chi trả. Người tiêu dùng chính là người chịu thuế nhưng người có trách nhiệm nộp thuế gián thu theo luật định lại là người bán.

❖ Phân loại theo thẩm quyền được phép sở hữu thuế

- Thuế liên bang là loại thuế được ban hành và áp dụng thống nhất trên phạm vi toàn bộ lãnh thổ quốc gia. Chủ yếu là thuế TNCN, thuế thu nhập công ty, thuế chuyển nhượng, thuế GTGT, thuế vãng lai, thuế thất nghiệp.

- Thuế tiểu bang là loại thuế do từng tiểu bang có thể ban hành và chỉ được áp dụng trong phạm vi lãnh thổ của tiểu bang này. Chủ yếu là thuế tiêu dùng, thuế TTĐB.

- Thuế chính quyền địa phương do từng chính quyền địa phương ban hành và được sử dụng trong phạm vi lãnh thổ chính quyền địa phương được phân chia. Chủ yếu là thuế bất động sản hay thuế tài sản cá nhân.

1.1.5. Hệ thống văn bản pháp luật về thuế

Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 có hiệu lực vào ngày 01/01/2009.

Nghị định 92/2013/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều có hiệu lực từ ngày 01/7/2013 của Luật sửa đổi Luật Thuế TNDN và Luật sửa đổi Luật Thuế GTGT.

Nghị định 146/2017/NĐ-CP ngày 15/12/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định 12/2015/NĐ-CP và nghị định 100/2016/NĐ-CP về GTGT và TNDN.

Thông tư 141/2013/TT-BTC hướng dẫn Nghị định 92/2013/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế TNDN và Luật Thuế GTGT sửa đổi có hiệu lực từ ngày 01/7/2013.

Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành thuế TNDN.

Thông tư 128/2011/TT-BTC hướng dẫn thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với các doanh nghiệp.

Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC, Thông tư số 119/2014/TT-BTC và Thông tư số 151/2014/TT-BTC.

Thông tư 26/2015/TT-BTC hướng dẫn thuế GTGT và quản lý thuế theo Nghị định 12/2015/NĐ-CP, sửa đổi Thông tư 39/2014/TT-BTC về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ có hiệu lực ngày 01/01/2015.

Nghị định 209/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng.

Thông tư 219/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2013 hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12.

Thông tư 193/2015/TT-BTC sửa đổi Thông tư 219/2013/TT-BTC và Nghị định 209/2013/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Thuế GTGT có hiệu lực 10/01/2016.

Thông tư 151/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định 91/2014/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định quy định về thuế do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành.

1.2. Kế toán thuế GTGT

1.2.1. Khái niệm thuế GTGT

Theo giáo trình thuế (2012) của tác giả Khúc Đình Nam và cộng sự: “Thuế là một khoản trích nộp bằng tiền, có tính chất xác định, không hoàn trả trực tiếp cho các công dân, đóng góp cho nhà nước thông qua con đường quy định, nhằm bù đắp những chi tiêu cho nhà nước trong việc thực hiện các chức năng kinh tế xã hội của Nhà nước.”

Theo quy định tại Điều 2, Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 của Quốc hội ban hành ngày 03/06/2008 thì “Thuế GTGT (VAT) là số thuế thu được loại thuế gián thu tính trên giá trị tăng thêm của hàng hoá, dịch vụ phát sinh trong quá trình tiêu sản xuất, lưu thông đến tiêu dùng.”

Ta hiểu, thuế GTGT thu qua tất cả các giai đoạn luân chuyển của hàng hóa, dịch vụ bằng với số thuế tính trên giá bán cho người tiêu dùng cuối cùng. Thuế GTGT do người tiêu dùng cuối cùng chịu, có số sản xuất kinh doanh, nhà cung cấp hàng hoá, dịch vụ là người nộp thuế vào NSNN thay cho người tiêu dùng thông qua việc cộng thuế vào giá bán mà người tiêu dùng phải thanh toán khi mua hàng hoá, dịch vụ.

1.2.2. Đặc điểm của thuế GTGT

Một là, thuế GTGT là thuế gián thu. Người nộp thuế GTGT là người bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; người chịu thuế GTGT là người tiêu dùng cuối cùng. Người nộp thuế và người chịu thuế là khác nhau.

Hai là, thuế GTGT là thuế tiêu dùng nhiều giai đoạn không trùng lặp. Thuế GTGT đánh vào tất cả các giai đoạn luân chuyển của hàng hóa, dịch vụ nhưng chỉ tính trên GTGT của mỗi giai đoạn luân chuyển của hàng hóa, dịch vụ.

Ba là, thuế GTGT là thuế có tính lũy thoái so với thu nhập. Do thuế GTGT tính trên giá bán của hàng hóa, dịch vụ mà người chịu thuế lại là người tiêu dùng hàng hóa, dịch vụ nên khi thu nhập của người tiêu dùng tăng lên thì thuế GTGT phải trả trong giá mua so với thu nhập của họ giảm đi.

Bốn là, thuế GTGT thường được đánh theo nguyên tắc điếm đôn. Quyển đánh thuế GTGT thuế và quốc gia nào có hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ, bất kể hàng hóa, dịch vụ đó được sản xuất ra ở đâu.

Năm là, thuế GTGT có phạm vi điều chỉnh rộng. Thuế GTGT là loại thuế tiêu dùng thông thường, đánh vào hầu hết các hàng hóa, dịch vụ phục vụ đời sống con người. Số hàng hóa, dịch vụ được miễn thuế thường rất ít.

1.1.3. Vai trò của thuế GTGT

Thuế GTGT không có hiện tượng thuế trùng thuế, giúp cho giá cả hàng hóa, dịch vụ được xác định hợp lý và chính xác hơn, góp phần ổn định giá cả, khuyến khích và thúc đẩy mở rộng sản xuất, lưu thông hàng hóa.

Thuế GTGT đóng viên một phần thu nhập của người tiêu dùng vào NSNN, góp phần hình thành khoản thu ổn định cho NSNN.

Thuế GTGT áp dụng thuế suất 0% đối với hàng hóa, dịch vụ xuất khẩu và được khấu trừ hoặc hoàn lại toàn bộ số thuế GTGT của các yếu tố mua vào nên có tác dụng giảm chi phí, hạ giá bán sản phẩm, đẩy mạnh xuất khẩu, tạo điều kiện cho hàng hóa xuất khẩu có thể cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Thuế GTGT góp phần thúc đẩy công tác hạch toán, kế toán và thúc đẩy việc mua, bán hàng hóa có hóa đơn, chứng từ.

1.2.4. Phạm vi áp dụng thuế GTGT

❖ **Ngõ vào nộp thuế GTGT**

Ngõ vào nộp thuế GTGT là các tổ chức, cá nhân có hoạt động SXKD hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT, không phân biệt ngành nghề, tổ chức, hình thức kinh doanh (gọi chung là CSKD); tổ chức, cá nhân có nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT (gọi chung là ngõ vào nhập khẩu).

❖ **Đãi miễn thuế chịu thuế GTGT**

Theo Điều 2 Thông tư số 219/2013/TT-BTC, đãi miễn thuế chịu thuế giá trị gia tăng (GTGT) là hàng hóa, dịch vụ dùng cho sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng ở Việt Nam (bao gồm cả hàng hóa, dịch vụ mua của tổ chức, cá nhân nước ngoài), trừ các đãi miễn thuế không chịu thuế GTGT hàng nhập khẩu theo Điều 4 Thông tư này

❖ **Đãi miễn thuế không chịu thuế GTGT**

Theo Điều 4 Thông tư 219/2013/TT-BTC hàng nhập khẩu giá trị gia tăng (độc lập của các bài Thông tư 151/2014/TT-BTC và Thông tư 26/2015/TT-BTC) thì có 26 nhóm hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế giá trị gia tăng.

Từ ngày 1/7/2017, cùng với việc ban hành Luật số 106/2016/QH13, Quốc hội đã sửa đổi, bổ sung một số hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ không thuộc diện chịu thuế GTGT.

Theo nội dung văn bản này, hàng hóa, dịch vụ thuộc diện không chịu thuế GTGT có thể được phân theo các nhóm chủ yếu sau:

- Nhóm hàng hóa, dịch vụ là sản phẩm nông nghiệp, là dịch vụ đầu vào của sản xuất nông nghiệp.
- Nhóm hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế theo các cam kết quốc tế.
- Hàng hóa, dịch vụ không chịu thuế GTGT vì lý do xã hội.
- Không thuộc diện chịu thuế phù hợp với thông lệ quốc tế.
- Không chịu thuế do ngõ vào kinh doanh có thu nhập thấp.
- Không chịu thuế vì đó là hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước trực tiếp.
- Không chịu thuế vì một số lý do khác.